TÒA ÁN ND HUYỆN ĐỒNG HỶ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 45/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 14-12-2017
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỶ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Thuận

Các Hội thẩm nhân dân:

1: Ông Lê Anh Tuấn

2. Bà Nguyễn Thị Bích Hường

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Triệu Cẩm Chi - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ không tham gia phiên tòa:

Ngày 14 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 228/2017/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2017/QĐXX - HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Q , sinh năm 1965

Trú tại: Xóm S , xã H , huyện Đ , tỉnh T

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Giáo viên

(Vắng mặt tại phiên tòa – có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Mai T , sinh năm 1967

Trú tại: Xóm S , xã H , huyện Đ , tỉnh T

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Bộ đội nghỉ hưu

(Vắng mặt tại phiên tòa – có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn bà Phạm Thị Q trình bày như sau:

Bà và ông Nguyễn Mai T kết hôn với nhau từ năm 1991, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T , huyện H , tỉnh B trên cơ sở được tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc hơn 20 năm, tới năm 2014 thì thường xuyên sảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm, không ai nghe theo ai, mỗi người một cách sống, không quan tâm và không có trách nhiệm với nhau. Từ tháng 4/2017 cho đến nay ông T đã dọn ra ngoài sống, vợ chồng cũng ly thân từ đó cho tới nay. Hiện tại bà xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, bản thân bà và ông T không còn tình cảm gì với nhau nữa nên bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ cho bà được ly hôn với ông T .

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung, con thứ nhất tên là Nguyễn Thị Kiều T , sinh ngày 24-12-1991, hiện đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con thứ hai tên là Nguyễn Thảo V , sinh ngày 15-10-2002, nguyện vọng của bà sau khi vợ chồng ly hôn bà muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu V cho tới khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi), không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn ông Nguyễn Mai T trình bày:

Ông kết hôn với bà Phạm Thị Q từ năm 1991, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T , huyện H , tỉnh B trên cơ sở được tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc hơn 20 năm, tới năm 2014 thì sảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau thường xuyên. Đầu năm 2017 ông đã chuyển về quê sống cùng bố mẹ đẻ, vợ chồng ly thân từ đó cho tới nay. Hiện tại ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên đồng ý ly hôn với bà Q.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung, con thứ nhất tên là Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 24-12-1991, hiện đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con thứ hai tên là Nguyễn Thảo V, sinh ngày 15-10-2002, ông đồng ý cho chị Q được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu V cho tới khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi), về cấp dưỡng nuôi con khi nào ông có điều kiện ông sẽ tự cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26-10-2017, cháu Nguyễn Thảo V con chung của bà Q và ông T trình bày nguyện vọng: Sau khi bố mẹ ly hôn cháu muốn được sống cùng với mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng*:*

Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa nguyên đơn là bà Phạm Thị Q và bị đơn là ông Nguyễn Mai T, cùng cư trú tại: Xóm S , xã H , huyện Đ , tỉnh T . Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình giải quyết, vụ án không tiến hành hòa giải được nên Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ đã quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai ngày hôm nay. Tại phiên tòa, bà Q và ông T đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Q và ông T.

[2] Về nội dung vụ án:

+ Quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Q và ông Nguyễn Mai T kết hôn với nhau từ năm 1991, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện H, tỉnh B trên cơ sở được tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được hơn 20 năm, tới năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên sảy ra cãi vã, xô xát, không ai quan tâm tới ai và không có trách nhiệm với nhau nên từ tháng 04-2017 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Cả hai bên đương sự đều xác định, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không ai còn tỉnh cảm với nhau nữa, cuộc hôn nhân này không thể kéo dài thêm. Do đó cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Q như vậy là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 24-12-1991 hiện đã thành niên (trên 18 tuổi) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy HĐXX không xem xét giải quyết. Con thứ hai là Nguyễn Thảo V, sinh ngày 15-10-2002. Quan điểm của bà Phạm Thị Q muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu V cho tới khi cháu V thành niên (đủ 18 tuổi), không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Quan điểm của ông T cũng đồng ý cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu V cho tới khi cháu V thành niên. Bản thân cháu V cũng có nguyện vọng muốn được sống cùng với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu

Nguyễn Thảo V, sinh ngày 15-10-2002 cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dụ. tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho ông T vì bà Q chưa có yêu cầu. Ông Tcó quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bà Phạm Thị Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 146, 147, 227, 238, 267, 271 và Điều 273 của BLTTDS 2015; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Q, cho bà Phạm Thị Q được ly hôn với ông Nguyễn Mai T.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thảo V, sinh ngày 15-10-2002 cho bà Phạm Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho tới khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông T vì bà Q chưa có yêu cầu.

Con chung là Nguyễn Thị Kiều T, sinh ngày 24-12-1991 hiện đã thành niên (trên 18 tuổi) nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Ông Nguyễn Mai T được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung*:* Không có yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Án phí: Bà Phạm Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0015858 ngày 12-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ. Bà Q đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn (bà Q), bị đơn (ông T). Báo cho bà Q và ông T biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Bùi Đức Thuận

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- UBND xã T, H, B;
- UBND xã H, huyện Đ;
- Lưu: HS, bộ phận HNGĐ.